

Bản án số: 61/2022/DS-ST

Ngày: 25 - 11 - 2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng đặt cọc.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thừa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Thắng
2. Bà Đoàn Thị Kim Quyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Mạch Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp L, thị trấn V, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn:* Ông Ngô Văn T, sinh năm 1980; cư trú tại: Ấp K, thị trấn V, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Bé M, sinh năm: 1980; cư trú tại: Ấp L, thị trấn V, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

2. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1965; cư trú tại: Ấp K, thị trấn V, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

3. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1976; cư trú tại: Ấp K, thị trấn V, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

4. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1981; cư trú tại: Ấp K, thị trấn V, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

5. Anh Trần Chí B, sinh năm: 1988; cư trú tại: Ấp K, thị trấn V, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

6. Bà Ngô Kim P, sinh năm: 1968; cư trú tại: Ấp K, thị trấn V, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

7. Ông Nguyễn Vũ H1; cư trú tại: Ấp K, thị trấn V, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- *Những người có mặt tại phiên tòa:* Nguyễn Thị Q, Ngô Văn T.

- *Những người vắng mặt tại phiên tòa:* Nguyễn Bé M, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T, Trần Chí B, Ngô Kim P, Nguyễn Vũ H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Bà và ông Ngô Văn T có thỏa thuận việc đặt cọc mua lúa của người dân, theo thỏa thuận thì bà sẽ đưa tiền cho ông T để đặt cọc cho các hộ dân, cứ một tấn lúa thì anh T được nhận tiền hoa hồng là 30.000đ. Ngày 14/01/2022 (âm lịch) bà đã giao cho ông T 30.000.000đ; ngày 15/02/2022 (âm lịch) giao tiếp 15.000.000đ để đặt cọc mua 150 công lúa Đài Thơm 8, với giá 6.000đ/kg. Hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không lập thành văn bản vì do làm ăn nhiều năm nên tin tưởng nhau. Thời gian thỏa thuận cân lúa từ ngày 22/01/2022 (âm lịch) đến ngày 26/02/2022 (âm lịch) là cân xong. Vào ngày 22/01/2022 bà cân được 10 tấn lúa Đài Thơm 8 với giá 6.000đ/kg, đến ngày 26/02/2022 bà chỉ cân được 102,5 tấn lúa tương đương khoảng 138 công; lúc này bà có nói với ông T ngưng bỏ cọc lúa do thời gian cân lúa quá lâu, lúa sẽ không đạt chất lượng. Còn số lúa còn lại chưa cân được là của ông T và của chị ông T là bà Ngô Kim P do chưa có máy cắt. Ngày 07/3/2022 (âm lịch) bà có liên hệ để cân lúa thì ông T nói lúa cắt chưa xong qua ngày 08/3/2022 (âm lịch) cân luôn; đến ngày 08/3/2022 bà có cho ghe vào cân được 1,1 tấn lúa của bà Phiến, do lúa quá dơ

và xấu nên bà có thoả thuận lại với ông T giá là 5.000đ/kg nhưng ông T không đồng ý và kêu ghe khác bán hết số lúa còn lại. Như vậy, tổng số lúa bà cân được là 103,6 tấn, bà đã trừ được 24.800.000đ tiền cọc, còn lại 20.200.000đ ông T không đồng ý trả lại cho bà. Ông T cho rằng số tiền 20.200.000đ đã bỏ cọc cho người dân hết nhưng thực tế anh T chỉ đưa cọc cho người dân là 24.800.000đ, phần cọc còn lại chỉ còn hai hộ là của bà P và của ông T.

Bà đồng ý trừ tiền hoa hồng cho ông T số tiền 3.000.000đ, như vậy ông T còn giữ của bà 17.200.000đ. Nay bà yêu cầu ông T phải trả lại cho bà số tiền đặt cọc còn lại là 17.200.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Ngô Văn T trình bày:

Ông và chị Q có thỏa thuận việc đặt cọc mua lúa của các hộ dân. Ông có nhận của chị Q số tiền 45.000.000đ để đặt cọc lúa vụ Đông Xuân 2021-2022. Toàn bộ số tiền 45.000.000đ ông đã đưa cọc hết cho các hộ dân và hẹn đến khi cắt lúa chị Q sẽ vô cân. Đến ngày cắt lúa chị Q có vô cân và trừ vào số tiền đã đặt cọc được 24.800.000đ; còn lại 20.200.000đ chưa cân lúa xong nên chưa trừ. Trong số tiền 20.200.000đ chị Q đồng ý đưa tiền hoa hồng cho ông là 3.000.000đ, còn lại 17.200.000đ ông cũng đã đưa cọc hết cho các hộ dân gồm: ông Nguyễn Văn N 4.000.000đ, bà Ngô Kim P 2.000.000đ, ông Trần Chí B 2.000.000đ, ông Nguyễn Văn T 3.000.000đ, ông Nguyễn Văn H 2.000.000đ, ông Nguyễn Vũ H 3.000.000đ, bà Nguyễn Bé M 1.200.000đ. Đến ngày cân lúa chị Q có vô cân được khoảng 01 tấn lúa của ông N thì ngưng không cân nữa. Do chị Q chê lúa dơ, lúa xấu và đòi hạ giá lúa nên không cân lúa của các hộ còn lại. Sau đó, ông kêu ghe lúa khác vào cân hết số lúa còn lại của các hộ dân mà ông đã đưa tiền cọc. Vì vậy, ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị Q.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Bé M trình bày: Đầu vụ lúa Đông Xuân năm 2021-2022, ông T có đưa tiền cọc cho bà là 1.200.000đ để mua 07 công lúa, giống lúa Đài Thơm 8 với giá 6.000đ/kg; lúc đó và ông T cũng có đưa tiền cọc cho nhiều hộ dân khác nữa, cũng thoả thuận bán lúa với giá 6.000đ/kg. Sau khi cắt lúa xong, ông T có liên hệ với chị Q để cân lúa, chị Q có cho ghe vô cân được hơn 01 tấn lúa của hộ ông Nôm thì ngưng không cân nữa vì chê lúa dơ, xấu. Do bà Q không cân lúa nên ông T kêu ghe lúa khác vào cân lúa của bà với giá 6.000đ/kg, số tiền cọc 1.200.000đ được trừ lại cho ghe lúa đã cân. Nay bà không có yêu cầu gì trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H trình bày: Đầu vụ lúa Đông Xuân năm 2021-2022 ông có nhận tiền cọc mua lúa của ông T là 2.000.000đ, để bán 09 công lúa, giống Đài Thơm 8 với giá 6.000đ/kg. Hai bên không có làm giấy tờ gì, chỉ thoả thuận bằng lời nói, ông T chịu trách nhiệm lo máy cắt lúa, khi nào cắt được lúa thì ghe vào cân, khi đó cũng không có nói là lúa xấu hay tốt. Ông có nghe ông T nói việc đặt cọc mua lúa của ông là mua cho bà Q. Sau khi cắt lúa xong thì ông T có kêu ghe bà Q vào cân nhưng khi ghe lúa vào thì không cân, do bà Q chê lúa xuống màu, không được đẹp. Sau đó ông T kêu ghe lúa khác vào cân với giá 6.000đ/kg. Còn số tiền 2.000.000đ ông đã nhận cọc thì đã trừ lại cho ghe lúa đã cân lúa của ông. Nay ông không có yêu cầu gì trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Chí B trình bày: Đầu vụ lúa Đông Xuân năm 2021-2022, ông có nhận tiền cọc lúa của ông T là 2.000.000đ, để bán 05 công lúa, giống Đài Thơm 8 với giá 6.000đ/kg. Sau khi cắt lúa xong, ông có liên hệ với ông T vô cân lúa nhưng ông T nói không mua. Khi đó ông có nói với ông T nếu không mua thì ông bán cho người khác và ông T phải bỏ tiền cọc, lúc đó ông T không nói gì và cũng không vô cân lúa nên ông đã bán cho người khác. Số tiền 2.000.000đ ông đã nhận từ ông T thì ông không trả lại vì ông T không mua lúa nên phải chịu mất tiền cọc. Việc bà Q đòi lại tiền cọc của ông T thì ông không có ý kiến và không có yêu cầu gì trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N trình bày: Đầu vụ lúa Đông Xuân năm 2021-2022, ông có nhận tiền cọc lúa của ông T là 4.000.000đ, để bán 11 công lúa, giống Đài Thơm 8 với giá 6.000đ/kg. Ông T đặt cọc mua lúa của ông là mua cho bà Q. Sau khi cắt lúa xong, ông có kêu ông T vô cân lúa, lúc đó ông T và bà Q vô cân được vài chục bao thì không chịu cân nữa vì chê lúa xấu và bỏ về. Ông có liên hệ với ông T thì nói là bà Q bỏ lúa không cân nữa nên ông đã bán số lúa còn lại cho người khác. Còn số tiền ông đã nhận cọc ông không đồng ý trả lại vì ông T, bà Q không mua lúa nên phải chịu mất tiền cọc. Việc bà Q có đòi lại tiền cọc của ông T thì ông không có ý kiến và không có yêu cầu gì trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Kim P trình bày: Đầu vụ lúa Đông Xuân năm 2021-2022, bà có nhận tiền cọc lúa của ông T là 2.000.000đ, để bán 09 công lúa, giống Đài Thơm 8 với giá 6.000đ/kg. Sau khi cắt lúa xong, bà có liên hệ với ông T, bà Q vô cân lúa nhưng bà Q chê lúa xấu nên không mua. Do bà Q không vô cân lúa nên bà đã bán cho người khác. Số

tiền 2.000.000đ bà đã nhận từ ông T thì bà không trả lại vì ông T, bà Q không mua lúa nên phải chịu mất tiền cọc. Việc bà Q đòi lại tiền cọc của ông T thì bà không có ý kiến và không có yêu cầu gì trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày: Đầu vụ lúa Đông Xuân năm 2021-2022, ông có nhận tiền cọc lúa của ông T là 3.000.000đ, để bán 13 công lúa, giống Đài Thom 8 với giá 6.000đ/kg. Sau khi cấy lúa xong, ông có liên hệ với ông T vô cân lúa thì ông T nói bà Q chê lúa xấu nên không mua. Do bà Q không vô cân lúa nên ông đã bán cho người khác. Số tiền 3.000.000đ ông đã nhận cọc thì đã trừ lại cho ghe lúa đã chịu cân lúa của ông. Nay ông không có yêu cầu gì trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Vũ H1 quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú nhưng hiện nay ông H1 không có mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì không rõ nên không ghi nhận được ý kiến của ông H1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị Hội xét xử căn cứ Điều 227, 228, 233 tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

Về nội dung vụ án: Khi bà Q đưa tiền cho ông T thì hai bên có thỏa thuận việc đặt cọc mua lúa của các hộ dân là mua lúa tốt, lúa đẹp, giống lúa Đài Thom 8 với giá 6.000đ/kg. Đến thời điểm thu hoạch, do lúa không đạt chất lượng nên bà Q có trao đổi với ông T là ngưng việc đưa cọc và thỏa thuận lại nếu lúa không đạt chất lượng thì chỉ mua với giá 5.000đ/kg. Do không thỏa thuận được nên bà Q chỉ cân được khoảng 103,6 tấn lúa với giá 6.000đ/kg, đã trừ được 24.800.000đ tiền cọc, còn lại 20.200.000đ ông T còn giữ của bà Q. Bà Q đồng ý trừ tiền hoa hồng cho ông T số tiền 3.000.000đ, như vậy ông T còn giữ của bà Q 17.200.000đ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Ngô Văn T phải trả cho bà Nguyễn Thị Q số tiền đã nhận cọc là 17.200.000đ. Về án phí, buộc đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Các đương sự thực hiện giao dịch dân sự về việc đặt cọc mua bán lúa, quá trình thực hiện hợp đồng phát sinh tranh chấp liên quan đến số tiền đã đặt cọc. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”. Căn cứ theo quy định tại Điều 26, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[2]. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Bé M, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn T, ông Trần Chí B, bà Ngô Kim P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Vũ H1 vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, 228, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt họ nhưng vẫn đảm bảo quyền và nghĩa vụ hợp pháp cho đương sự theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ; qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1]. Bà Nguyễn Thị Q và ông Ngô Văn T có thực hiện giao dịch dân sự, thỏa thuận với nhau về việc đặt cọc mua lúa của các hộ dân trong vụ lúa Đông Xuân năm 2021-2022. Theo thỏa thuận bà Q đưa cho ông T số tiền 45.000.000đ để đặt cọc mua lúa của các hộ dân; đến khi thu hoạch thì bà Q sẽ vô cân lúa, khi đưa tiền cọc bà Q và ông T thống nhất thỏa thuận sẽ mua lúa với giá 6.000đ/kg, giống lúa Đài Thơm 8. Hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không có lập hợp đồng bằng văn bản. Từ ngày 22/01/2022 (âm lịch) đến ngày 26/02/2022 (âm lịch) bà Q cân được 102,5 tấn lúa với diện tích khoảng 138 công. Với số lúa đã cân thì bà Q trừ được số tiền cọc đã đưa là 24.800.000đ. Đến ngày 08/3/2022 (âm lịch) bà Q tiếp tục vô cân lúa được khoảng 01 tấn thì ngưng không cân nữa, do bà Q chê lúa dơ, lúa xấu không đạt chất lượng và đề nghị hạ giá lúa xuống còn 5.000đ/kg thì mới chịu mua và cân tiếp. Do các hộ dân đã nhận cọc không đồng ý bán lúa với giá 5.000đ/kg nên bà Q bỏ về và không cân lúa nữa. Số lúa còn lại mà ông T đã đặt cọc do bà Q không mua nên ông T đã kêu ghe lúa khác vào cân và thỏa thuận giá bán cũng là 6.000đ/kg nhưng phải trừ đi tiền cọc mà ông T đã đưa trước đó.

[3.2]. Trong giao dịch dân sự này, ông T làm trung gian, gián tiếp thay mặt bà Q đặt tiền cọc mua lúa. Thời điểm đặt cọc là trước ngày thu hoạch lúa từ

10 đến 15 ngày. T khi đặt cọc thì ông T đã trao đổi và thống nhất với bà Q về cánh đồng lúa sẽ mua và mua với giá 6.000đ/kg. Tại thời điểm đưa tiền cọc, ông T và bà Q đã thống nhất và không có tranh chấp gì; mãi đến khi cân lúa thì bà Q mới chê lúa xấu không đạt chất lượng nên không đồng ý mua. Thực tế số tiền mà bà Q đã đưa cho ông T thì ông T đã đặt cọc hết cho các hộ dân để mua lúa và khi đưa cọc thỏa thuận giá lúa là 6.000đ/kg. Đến ngày cân lúa, do bà Q chê lúa dơ, lúa xấu nên không cân lúa nữa và các hộ dân đã nhận cọc cũng đã bán lúa cho người khác. Như vậy, xét thấy lỗi trong thực hiện giao dịch này là của bà Q, do bà Q không đồng ý mua lúa nên phải chịu mất tiền cọc. Việc bà Q cho rằng ông T còn giữ của bà Q số tiền 17.200.000đ là không có căn cứ, vì việc đặt cọc đã được thực hiện trước ngày cắt lúa và ông T đã giao số tiền này cho những người dân gồm: ông N 4.000.000đ, bà P 2.000.000đ, ông B 2.000.000đ, ông T 3.000.000đ, ông H 2.000.000đ, ông H1 3.000.000đ, bà Bé M 1.200.000đ. Việc ông T đưa tiền cọc được các những người nêu trên xác nhận là sự thật. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà Q là không có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Q phải chịu 860.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 328 Bộ luật dân sự năm 2015.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q về việc yêu cầu ông Ngô Văn T phải trả tiền cọc.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Q phải chịu 860.000đ (tám trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà Q đã nộp 430.000đ (bốn trăm ba mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006366 lập

ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Bà Nguyễn Thị Q phải nộp thêm 430.000đ (bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, tổng đạt theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Long Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Thừa